TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 3 – 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Thuấn, ông Vũ Xuân Trúc.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 06/3/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ 1, thị L, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị P và anh D (chị P xin vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn D vào ngày 11/02/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, nhiều lần xảy ra va chạm, cãi vã. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 05/9/2016. Khi nộp đơn xin ly hôn anh D, chị P đang mang thai. Ngày 10/01/2019, chị sinh thêm cháu Nguyễn Đăng K. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị.

Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý, giấy triệu tập anh D đến làm việc nhưng anh D vắng mặt. Trong đơn đề nghị ngày 08/01/2019, ông Nguyễn Bá H là bố đẻ của anh D cho biết: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị P kết hôn với nhau ngày 11/02/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên M. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc chị P muốn anh D về bên ngoại sống nhưng anh D không đồng ý, dẫn đến anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau. Anh chị sống ly thân hơn một năm nay, anh D có tìm gọi chị P nhưng chị P không về và đã làm đơn ly hôn. Về phía anh D cũng không muốn níu kéo chị P nữa vì việc ra đi là do chị P chủ động, anh D không đánh, không đuổi, đề nghị giải quyết theo pháp luật. Anh D và chị P có một con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 05/9/2016 về phía gia đình cũng như anh D cũng có nguyện vọng được nuôi cháu My, nhưng do cháu còn nhỏ nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị P không có gì chung. Anh D và gia đình ông đã nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án về việc chị P xin ly hôn, các giấy triệu tập, văn bản tố tụng của Tòa án gửi anh D nhưng do công việc lái tàu, bận việc nên anh D không trực tiếp lên Tòa án làm việc. Gia đình đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật.

Toà án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại buổi làm việc chị P có mặt, anh D vắng mặt. Chị P có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị P xin vắng mặt. Anh D mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" do nguyên đơn chị Nguyễn Thị P thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định nên căn cứ

vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị P có đề nghị xin xét xử vắng mặt; Anh D mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm, cãi vã. Anh chị sống ly thân đã lâu. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh D. Về phía anh D, mặc dù biết việc chị P xin ly hôn, đã được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hòa giải cho anh chị nhưng vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị P nữa. Xét thấy, chị P, anh D đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 9/2018 đến nay, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn của chị P, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị P và anh D có hai con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 05/9/2016 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/01/2019, hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị P. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm và nghĩa vụ cũng là quyền lợi của cha mẹ. Tuy nhiên, cả hai con chung còn nhỏ đều dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ hơn nên chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng là phù hợp. Anh D làm nghề lái tàu, có mức thu nhập ổn định nên chấp nhận yêu cầu của chị P, buộc anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cũng chị mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng đối với cháu Nguyễn Đăng K kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu K trưởng thành là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn D.

2. Giao con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 05/9/2016 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/01/2019 cho chị P nuôi dưỡng. Anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng đối với cháu Nguyễn Đăng K kể từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu K trưởng thành, tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị P phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000998, ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị P đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo trong hạn 15, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã M: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Bùi Thị Ngọc Bích